

hợp tác kinh doanh; xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện các dự án đầu tư trực tiếp.

8. Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định tổ chức phụ trách công tác hợp tác đầu tư ở các ngành và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Tổ chức thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng viên chức thuộc lĩnh vực hợp tác đầu tư; quyết định việc tuyển dụng, sử dụng, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ khác của Nhà nước đối với viên chức do Ủy ban trực tiếp quản lý.

Điều 3.- Cơ cấu tổ chức của Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư gồm có:

1. Vụ Pháp luật và xúc tiến đầu tư,
2. Vụ Thẩm định dự án,
3. Vụ Quản lý dự án,
4. Vụ Quản lý khu chế xuất,
5. Vụ Tổ chức - Cán bộ và đào tạo,
6. Văn phòng,
7. Cơ quan đại diện Ủy ban tại thành phố Hồ Chí Minh,
8. Trung tâm giao dịch đầu tư.

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư quy định nhiệm vụ, quyền hạn, biên chế cụ thể của các đơn vị nói trên.

Điều 4.- Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban lãnh đạo, giúp Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban có các Phó Chủ nhiệm.

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban chịu trách nhiệm trước Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ về toàn bộ công việc của Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư. Các Phó Chủ nhiệm chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban về công tác được phân công.

Điều 5.- Nghị định này có hiệu lực từ ngày ban hành. Bãi bỏ Nghị định số 31-HĐBT ngày 25-3-1989 của Hội đồng Bộ trưởng quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức của Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư, Quyết định số 71-HĐBT ngày 16-6-1989 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành "Điều lệ tạm thời về chế độ làm việc và quan hệ công tác của Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư", và các quy định khác trước đây trái với Nghị định này.

Điều 6.- Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư, các Bộ trưởng, Thủ

trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ
Thủ tướng

VÔ VĂN KIẾT

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 41-CP ngày 12-6-1993 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ủy ban Thanh niên Việt Nam.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Bộ trưởng phụ trách công tác thanh niên và thể dục thể thao của Chính phủ, Bộ trưởng, Trưởng ban, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH :

Điều 1.- Nay thành lập Ủy ban Thanh niên Việt Nam thuộc Chính phủ.

Ủy ban Thanh niên Việt Nam là cơ quan tổ chức phối hợp hoạt động của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các đoàn thể nhân dân để nghiên cứu, giải quyết những vấn đề về thanh niên; giúp Chính phủ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực công tác thanh niên.

Điều 2.- Ủy ban Thanh niên Việt Nam có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Chủ trì phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, đoàn thể nhân dân trong việc soạn thảo trình Chính phủ chiến lược, quy hoạch chương trình, dự án, chế độ, chính sách đối với thanh niên; phối hợp giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, đoàn thể nhân dân trong việc thực hiện chiến lược, quy hoạch, chương trình, dự án, chính sách, chế độ nói trên.

2. Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế thực hiện những quy định của Nhà nước đối với thanh niên.

3. Phối hợp với Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các Hội của thanh niên, đoàn thể nhân dân trong việc vận động, tổ chức thanh niên thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ tổ quốc và chăm lo những lợi ích chính đáng của thanh niên.

Điều 3. - Thành phần Ủy ban Thanh niên Việt Nam bao gồm:

- Chủ nhiệm,

- Một Phó Chủ nhiệm chuyên trách; một Phó Chủ nhiệm là Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,

- Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm chuyên trách do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm,

- Các ủy viên Ủy ban là đại diện lãnh đạo của các Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quốc phòng, Lao động - Thương binh và xã hội, Văn hóa - Thông tin, Tổng cục Thể dục thể thao, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam và một số ủy viên chuyên trách.

Ủy ban Thanh niên Việt Nam có Văn phòng Ủy ban được tổ chức gọn nhẹ, có một số chuyên viên giúp việc.

Ủy ban Thanh niên Việt Nam có con dấu và kinh phí riêng.

Điều 4.- Ủy ban Thanh niên Việt Nam thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình thông qua hoạt động của tập thể Ủy ban và từng thành viên trong Ủy ban.

Chủ nhiệm Ủy ban chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về toàn bộ hoạt động của Ủy ban.

Các Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, đoàn thể nhân dân có đại diện là thành viên Ủy ban, có trách nhiệm chỉ đạo ngành và đoàn thể mình thực hiện nhiệm vụ về công tác thanh niên được Ủy ban phân công; tạo điều kiện để các thành viên tham gia tích cực vào hoạt động của Ủy ban.

Điều 5.- Ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập Ủy ban Thanh niên tỉnh, thành phố trực thuộc Ủy ban nhân dân.

Ủy ban Thanh niên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là cơ quan giúp Ủy ban nhân dân tổ

chức sự phối hợp hoạt động của các ngành để thực hiện những nhiệm vụ về công tác thanh niên ở địa phương.

Chủ nhiệm Ủy ban và các thành viên khác của Ủy ban Thanh niên do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định.

Giúp việc Ủy ban Thanh niên có một, hai chuyên viên chuyên trách, đặt tại Văn phòng Ủy ban nhân dân.

Điều 6.- Ở cấp quận, huyện và tương đương phân công một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân chịu trách nhiệm phối hợp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về công tác thanh niên trên địa bàn và bố trí một chuyên viên thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân kiêm nhiệm công tác thanh niên.

Điều 7.- Nghị định này có hiệu lực từ ngày ban hành.

Bộ trưởng phụ trách công tác thanh niên và thể dục thể thao của Chính phủ, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ
Thủ tướng

VÕ VĂN KIẾT

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 42-CP
ngày 21-6-1993 về chức năng,
nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ
máy và lề lối làm việc của Ủy
ban Quốc gia dân số và kế hoạch
hóa gia đình.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30-9-1992;

Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Quốc gia dân số và kế hoạch hóa gia đình và Bộ trưởng - Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,